Chi tiết mã HS 3921

Mã HS	3921
Mô tả hàng hóa	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic
Đơn vị	
Thời điểm tạo	05/11/2026 06:43:29
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/3921/

40 dòng thuế thuộc 3921

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
3921.11.21	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại xốp: / - - Từ các polyme từ styren: / - - - Cứng: / - - - - Dạng tấm và phiến (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.11.29	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại xốp: / - - Từ các polyme từ styren: / - - - Cứng: / - - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.11.91	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại xốp: / - - Từ các polyme từ styren: / - - - Loại khác: / - - - - Dạng tấm và phiến (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.11.92	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại xốp: / - - Từ các polyme từ styren: / - - - Loại khác: / - - - - Dạng màng (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.11.99	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại xốp: / - - Từ các polyme từ styren: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.12.00	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại xốp: / - - Từ các polyme từ vinyl clorua	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.13.11	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại xốp: / - - Từ các polyurethan: / - - - Cứng: / - - - - Dạng tấm và phiến (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.13.19	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại xốp: / - - Từ các polyurethan: / - - - Cứng: / - - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
3921.13.91	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại xốp: / - - Từ các polyurethan: / - - - Loại khác: / - - - - Dạng tấm và phiến (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.13.92	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại xốp: / - - Từ các polyurethan: / - - - Loại khác: / - - - - Dạng màng (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.13.99	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại xốp: / - - Từ các polyurethan: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.14.21	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại xốp: / - - Từ xenlulo tái sinh: / - - - Cứng: / - - - - Dạng tấm và phiến (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.14.29	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại xốp: / - - Từ xenlulo tái sinh: / - - - Cứng: / - - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.14.91	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại xốp: / - - Từ xenlulo tái sinh: / - - - Loại khác: / - - - - Dạng tấm và phiến (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.14.92	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại xốp: / - - Từ xenlulo tái sinh: / - - - Loại khác: / - - - - Dạng màng (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.14.99	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại xốp: / - - Từ xenlulo tái sinh: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.19.11	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại xốp: / - - Từ plastic khác: / - - - Dạng tấm và phiến (SEN) từ các sản phẩm polyme trùng hợp: / - - - - Từ polypropylen	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.19.12	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại xốp: / - - Từ plastic khác: / - - - Dạng tấm và phiến (SEN) từ các sản phẩm polyme trùng hợp: / - - - - Từ polyetylen	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.19.19	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại xốp: / - - Từ plastic khác: / - - - Dạng tấm và phiến (SEN) từ các sản phẩm polyme trùng hợp: / - - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.19.31	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại xốp: / - - Từ plastic khác: / - - - Dạng tấm và phiến(SEN) từ các sản phẩm polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp: / - - - - Từ các polycarbonat	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.19.39	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại xốp: / - - Từ plastic khác: / - - - Dạng tấm và phiến(SEN) từ các sản phẩm polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp: / - - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.19.40	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại xốp: / - - Từ plastic khác: / - - - Dạng tấm và phiến(SEN) từ xenlulo hoặc từ các dẫn xuất hóa học của chúng, hoặc từ sợi lưu hóa	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.19.50	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại xốp: / - - Từ plastic khác: / - - - Dạng tấm và phiến(SEN) từ các protein được làm cứng, hoặc từ các dẫn xuất hóa học của cao su tự nhiên	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
3921.19.61	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại xốp: / - - Từ plastic khác: / - - - Dạng màng và lá (SEN): / - - - - Từ nitrocellulose (thuốc nổ bông)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.19.62	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại xốp: / - - Từ plastic khác: / - - - Dạng màng và lá (SEN): / - - - - Từ các protein đã làm cứng; từ các dẫn xuất hóa học của cao su tự nhiên	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.19.69	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại xốp: / - - Từ plastic khác: / - - - Dạng màng và lá (SEN): / - - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.19.93	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại xốp: / - - Từ plastic khác: / - - - Loại khác: / - - - - Từ nitrocellulose (thuốc nổ bông)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.19.94	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại xốp: / - - Từ plastic khác: / - - - Loại khác: / - - - - Từ các protein đã làm cứng; từ các dẫn xuất hóa học của cao su tự nhiên	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.19.99	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại xốp: / - - Từ plastic khác: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.90.10	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại khác: / - - Từ sợi lưu hóa	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.90.20	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại khác: / - - Từ các protein đã được làm cứng	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.90.30	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại khác: / - - Từ các dẫn xuất hóa học của cao su tự nhiên	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.90.41	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại khác: / - - Từ các polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp: / - - - Dạng tấm và phiến (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.90.42	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại khác: / - - Từ các polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp: / - - - Dạng màng (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.90.43	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại khác: / - - Từ các polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp: / - - - Dạng dải có ép vật liệu dệt	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.90.49	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại khác: / - - Từ các polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp: / - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.90.50	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại khác: / - - Từ xenlulo tái sinh	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.90.60	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại khác: / - - Từ xenlulo khác hoặc các dẫn xuất hóa học của nó	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
3921.90.70	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại khác: / - - Từ các polyme trùng hợp	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.90.90	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại khác: / - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.